

Bản án số: 159/2020/HS-ST

Ngày 12-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn B, sinh năm 1993 tại Nam Định; nơi thường trú: Khu 4, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định; tạm trú: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B1, sinh năm 1971 và bà Trần Thị C, sinh năm 1973; có vợ tên Lê Thị Hoài T và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/5/2011 bị Công an huyện H, tỉnh Nam Định ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh, trật tự do có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với số tiền 1.500.000 đồng; đã chấp hành xong vào ngày 13/5/2011.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Lương Bích N, sinh năm 1982 tại Cà Mau; nơi thường trú: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn B2, sinh năm 1962 và bà Dương Thị H, sinh năm 1963; có chồng tên Võ Văn R (đã

ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Hồ Thị Thùy Tr; bà Võ Thị Bích V; bà Triệu Thị Phương Th; bà Đinh Thị Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2018, Vũ Văn B thành lập Doanh nghiệp tư nhân Massage Ng (gọi tắt là DNTN Ng) tại địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, ngành nghề kinh doanh dịch vụ tắm hơi và massage. Sau khi thành lập, B thuê Lương Bích N làm quản lý doanh nghiệp, giao nhiệm vụ giao nhiệm vụ cho N quản lý mọi hoạt động kinh doanh và tuyển chọn nhân viên tại DNTN Ng.

Trong quá trình N làm việc tại DNTN Ng, N nói cho B biết trước đây N từng làm nhân viên massage tại một cơ sở massage ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Khi làm việc tại đây N được chủ cơ sở cho biết nếu là nhân viên massage thì phải có bằng nghề hoặc chứng chỉ nghề đã được đào tạo qua ngành nghề nhân viên xoa bóp tại trường dạy nghề hoặc cơ sở đào tạo nghề được Nhà nước công nhận, nếu không có bằng hoặc chứng chỉ nghề khi lực lượng chức năng đến kiểm tra, chủ doanh nghiệp sẽ bị phạt nên chủ cơ sở đã làm cho N một chứng chỉ nghề giả mang tên Lương Bích N số 236940 do Trường Trung học Y tế tỉnh Đồng Nai cấp và lấy chứng chỉ nghề của N cho Bình xem. Sau khi nghe và xem chứng chỉ nghề giả của N xong, B nảy sinh ý định tìm người làm giả chứng chỉ nghề giống như chứng chỉ nghề của N cho các nhân viên của DNTN Ng nhằm đối phó với các cơ quan chức năng khi kiểm tra.

Khoảng cuối tháng 03-2019, khi B và N đang ở tại DNTN Ng thì có một đối tượng (không rõ tên) làm nghề ép dẻo giấy tờ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chạy qua DNTN Ng. Lúc này, B kêu đối tượng dừng lại để ép dẻo chứng minh nhân dân của B, trong lúc đang ép dẻo chứng minh nhân dân cho B thì đối tượng hỏi B có muốn ép dẻo bằng hay chứng chỉ gì của nhân viên làm việc tại doanh nghiệp không, B nói nhân viên của doanh nghiệp không có bằng hay chứng chỉ nghề, nghe vậy đối tượng nói nếu nhân viên massage của doanh nghiệp mà không có bằng hay chứng chỉ nghề thì khi cơ quan chức năng đến kiểm tra sẽ bị phạt, đối tượng tiếp tục hỏi B có muốn làm bằng nghề cho nhân viên massage không, nếu làm thì cung cấp mẫu chứng chỉ nghề, bản photo chứng minh nhân dân để lấy thông tin cá nhân và ảnh màu kích cỡ 03x04cm để làm, giá mỗi chứng chỉ nghề là 2.000.000 đồng. Nghe vậy, B đồng ý và vào phòng nghỉ của nhân viên hỏi có nhân viên nào muốn làm bằng nghề hay không,

nếu muốn làm thì mỗi người đưa cho B 2.000.000 đồng để B nhờ người làm. Khi nghe B nói, các nhân viên gồm Hồ Thị Thùy Tr, Võ Thị Bích V, Triệu Thị Phương Th và Đinh Thị Q đồng ý làm chứng chỉ nghề giả. Do các nhân viên Tr, Q, Th và V không có tiền nên đã nhờ B ứng tiền trước rồi sẽ hoàn trả lại cho B sau. Lúc này N cũng đang ở phòng nghỉ của nhân viên nên nghe và chứng kiến thỏa thuận giữa B và các nhân viên. Sau đó, N dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh chân dung của các nhân viên Tr, Q, Th và V rồi gửi qua zalo cho B để B đến tiệm chụp hình rửa ảnh, sau đó B lấy bản photo chứng minh nhân dân; hình ảnh của các nhân viên Tr, Q, Th, V; chứng chỉ nghề của N và 4.000.000 đồng tiền đặt cọc đưa cho đối tượng làm nghề ép dẻo để làm 04 chứng chỉ nghề nhân viên xoa bóp giả theo mẫu chứng chỉ nghề của N, người này hẹn một tuần sau sẽ giao chứng chỉ nghề và B sẽ trả hết số tiền còn lại.

Khoảng 01 tuần sau khi nhận các tài liệu cho việc làm giả chứng chỉ nghề, đối tượng điều khiển xe mô tô đến tại DNTN Ng giao cho B 01 phong bì màu trắng bên trong có chứa chứng chỉ nghề của N và 04 “chứng chỉ nghề nhân viên xoa bóp” mang tên Hồ Thị Thùy Tr, số 112759; Võ Thị Bích V, số 116718; Triệu Thị Phương Th, số 119778; Đinh Thị Q, số 110351 do Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Đồng Nai cấp và 20 bản sao y của 04 chứng chỉ nghề tên Tr, V, Th, Q được công chứng có hình dấu của UBND phường B, thị xã Th, tỉnh Bình Dương. B kiểm tra xong và đưa tiền cho đối tượng số tiền 4.000.000 đồng, đối tượng nhận tiền xong bỏ đi đâu không rõ. Sau đó, B đưa chứng chỉ nghề tên Lương Bích N cho N và đưa 04 chứng chỉ nghề nêu trên cho các nhân viên Tr, V, Th và Q xem lại thông tin cá nhân và hình ảnh dán trên chứng chỉ nghề có đúng hay không, đồng thời B kêu các nhân viên Tr, V, Th và Q đưa các chứng chỉ nghề trên cho N cất giữ, khi nào có cơ quan chức năng đến kiểm tra thì sẽ xuất trình để đối phó.

Ngày 30/4/2019, Đội Cảnh sát Quản lý hành chính – Trật tự xã hội Công an thị xã T phối hợp với Công an phường U kiểm tra hành chính tại DNTN Ng. Tại thời điểm kiểm tra, N cung cấp cho tổ kiểm tra Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702670018; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 140/2018/GCN và 04 chứng chỉ nghề giả tên Tr, V, Th, Q. Ngoài ra quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện chứng chỉ nghề tên Lương Bích N và 20 bản sao y của các chứng chỉ nghề được công chứng có hình dấu của UBND phường B, thị xã Th, Bình Dương nêu trên có dấu hiệu bị làm giả đang cất giữ trong tủ tại DNTN Massage Ng nên đề nghị N giao nộp. Qua làm việc với N và Q, Th, V, Tr được biết thực tế N và các đương sự chưa qua đào tạo, chưa được cấp chứng chỉ hành nghề, các chứng chỉ nghề nêu trên do B tự liên hệ với một đối tượng (không rõ tên) để làm giống như mẫu chứng chỉ nghề của Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Đồng Nai nhằm mục đích đối phó với cơ quan chức năng khi kiểm tra nên

Công an phường U đã xác lập hồ sơ tin báo và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 04/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định số 320/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đề nghị Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương giám định hình dấu, chữ ký, chữ viết trên 05 chứng chỉ nghề và 20 bản photo chứng chỉ nghề nêu trên (có công chứng). Ngày 20/6/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương ban hành kết luận giám định số 194/GĐ-PC09 như sau:

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thanh H”, hình dấu tròn có nội dung “*Sở y tế* Tỉnh Đồng Nai – Trường Trung học Y tế”, hình dấu tròn có nội dung “*UBND Tỉnh Đồng Nai – Trường Cao đẳng Y tế” trên các chứng chỉ nghề mang tên Lương Bích N, số 236940; Hồ Thị Thùy Tr, số 112759; Võ Thị Bích V, số 116718; Triệu Thị Phương Th, số 119778 và Đinh Thị Q, số 110351 không phải do cùng một người ký và con dấu đóng ra, làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Hình dấu tròn có nội dung: “UBND phường B, thị xã Th” có trên 20 bản photo của 04 chứng chỉ nghề tên Hồ Thị Thùy Tr, Đinh Thị Q, Võ Thị Bích V, Triệu Thị Phương Th không phải do cùng một con dấu của UBND phường B, thị xã Th đóng ra.

Bản Cáo trạng số 163/CT-VKS.TU ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Vũ Văn B và Lương Bích N về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn B mức hình phạt tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo;

- Xử phạt bị cáo Lương Bích N mức hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, lời khai của những người này không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người làm chứng. Xét thấy, việc vắng mặt của người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, trước sau thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 3/2019, Lương Bích N có hành vi chụp ảnh của các tiếp viên Võ Thị Bích V, Triệu Thị Phương Th, Đinh Thị Q và Hồ Thị Thùy Tr sau đó gửi hình ảnh qua mạng xã hội zalo cho Vũ Văn B, Vũ Văn B rửa các hình ảnh rồi cung cấp cho đối tượng (không rõ lai lịch) làm giả 04 chứng chỉ nghề nhân viên xoa bóp. Ngày 30/4/2019, Đội Cảnh sát Quản lý hành chính – Trật tự xã hội Công an thị xã T tiến hành kiểm tra tại DNTN Massage Ng phát hiện Vũ Văn B và Lương Bích N có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với vai trò giúp sức. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực trật tự quản lý hành chính về tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức và uy tín của cơ quan Nhà nước, xâm phạm các lợi ích của Nhà nước; gây mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã làm giả tài liệu. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Ngày 12/5/2011, Vũ Văn B bị Công an huyện H, tỉnh Nam Định ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh, trật tự do có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên có nhân thân xấu.

[6] Về vai trò: Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo đều có vai trò giúp sức cho đối tượng (không rõ nhân thân) để làm giả chứng chỉ hành nghề xoa bóp.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo B có ông nội là Vũ Hữu C được Nhà nước tặng Bằng khen đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp; bị cáo N có ông nội là ông Lương Văn X được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xử phạt bị cáo mức hình phạt như trên và cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[10] Đối với đối tượng được B thuê để làm giả 04 chứng chỉ nghề nhân viên xoa bóp” và 20 bản sao y của 04 chứng chỉ nghề tên Tr, V, Th, Q được công chứng có hình dấu của UBND phường B, thị xã Th, tỉnh Bình Dương do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn B và Lương Bích N phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (Ngày 12/8/2020);

- Xử phạt bị cáo Lương Bích N 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (Ngày 12/8/2020).

Giao bị cáo Vũ Văn B và Lương Bích N cho UBND phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí sơ thẩm: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Văn B và Lương Bích N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường U, TX. T;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm